

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
CUNG CẤP TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH

*(Kèm theo Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
CẤP TỈNH			
I	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		
1	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	
2	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	
II	Lĩnh vực môi trường		
1	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	
2	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.	
III	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn		
1	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
2	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
3	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	
IV	Lĩnh vực tài nguyên nước		
1	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	
2	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước	

		dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	
3	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất.	
4	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất.	
5	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	
6	1.004253	Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	
7	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành.	
8	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành.	
9	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	
10	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	
11	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	
12	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	
13	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	
V	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ		
1	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.	
VI	Lĩnh vực Đất đai		

1	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	
2	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	
3	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	
VII	Lĩnh vực Biển và Hải đảo		
1	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử	
VIII	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật		
1	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	
2	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	
3	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
4	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
5	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
6	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
IX	Lĩnh vực Trồng trọt		
1	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	
2	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	
3	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.	

4	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	
5	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	
6	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	
7	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	
8	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	
X	Lĩnh vực Thú y		
1	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	
XI	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ		
1	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	
2	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	
XII	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm		
1	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	
2	1.012688	Quyết định giao rừng cho tổ chức	
3	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	
4	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	
5	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	

6	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	
7	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	
8	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	
9	1.000047	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	
XIII	Lĩnh vực Nông nghiệp		
1	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương.	
XIV	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản		
1	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ.	
XV	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn		
1	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.	
XVI	Lĩnh vực Thủy lợi		
1	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
2	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh	
3	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của	

		UBND tỉnh	
4	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
5	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
6	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
7	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	
8	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	
9	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
10	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc	

		thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
11	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
12	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
13	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
14	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ	
15	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
16	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
17	1.003203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	

18	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND	
19	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
XVII	Lĩnh vực Thủy sản		
1	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	
2	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	
3	1.003586	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	
4	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	
5	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	
6	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	
7	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	
8	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	
9	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	

10	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) 1.004921	
11	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	
12	1.003634	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
13	1.003650	Cấp giấy chứng đăng ký tàu cá	
14	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	
15	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	
16	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	
XVIII	Lĩnh vực khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường		
1	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	
CẤP HUYỆN			
I	Lĩnh vực Môi trường		
1	1.010724	Cấp đổi giấy phép môi trường	
2	1.010725	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	
3	1.010726	Cấp lại giấy phép môi trường	
II	Lĩnh vực Tài nguyên nước		
1	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất (cấp huyện)	
III	Lĩnh vực Nông nghiệp		
1	1.003605	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	

IV	Lĩnh vực Thủy lợi		
1	2.001627	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp Tỉnh phân cấp	
2	1.003456	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	
3	1.003471	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	
4	1.003459	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã 4trở lên)	
5	1.003347	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	
V	Lĩnh vực Thủy sản		
1	1.004478	1.004478 Công bố mở cảng cá loại 3	
CẤP XÃ			
I	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học		
1	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	
II	Lĩnh vực Môi trường		
1	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	
III	Lĩnh vực Trồng trọt		
1	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	

IV	Lĩnh vực Nông nghiệp		
1	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã).	
V	Lĩnh vực Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai		
1	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	
2	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	
VI	Lĩnh vực Thủy lợi		
1	2.001621	Thủ tục nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
2	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	